

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỀ RA CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO HIỆN NAY

HỒ VĂN ĐỨC

*Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
hohienminh1118@gmail.com*

Tóm Tắt. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo. Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không ngừng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo để bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân. Nhờ đó, cộng đồng tôn giáo ở nước ta không ngừng được củng cố, phát triển trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đóng góp xứng đáng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dựa vào tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam căn cứ tình hình cụ thể, vận dụng sáng tạo đề ra chính sách tôn giáo phù hợp để giải quyết tốt vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
Từ khóa: tư tưởng Hồ Chí Minh, tôn giáo, chính sách tôn giáo.

HO CHI MINH'S THOUGHT ON RELIGION AND THE APPLICATION OF THE PARTY AND STATE OF VIETNAM SET OUT THE CURRENT RELIGIOUS POLICY

Abstract. Vietnam is a multi-ethnic, multi-religious country. The Party and State of Vietnam always respect the right to freedom of belief and religion and on which constantly improve the system of policies and laws in order to protect this right of the people. As a result, the religious community in our country is constantly being strengthened and developed in the great national unity bloc, making a worthy contribution to the struggle for national liberation and the building and defense of the country. Based on Ho Chi Minh's ideas on religion and the specific situation, the Communist Party and the State of Vietnam creatively apply appropriate religious policies to solve religious problems in the process of building and defending the Fatherland.

Keywords: Ho Chi Minh thought, religion, religious policy.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo đã tồn tại lâu dài cùng với lịch sử dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Hồ Chí Minh đã đề ra chính sách tôn giáo đúng đắn dẫn nên vận động được đông đảo đồng bào có đạo tham gia và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đất nước đến nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách quan trọng thể hiện quan điểm đổi mới, khoa học về tín ngưỡng tôn giáo, đáp ứng những nhu cầu tín ngưỡng chính đáng của đồng bào có đạo. Điều đó đã làm cho đồng bào phấn khởi, tin tưởng vào chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước, tích cực góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Song, một thực tế khác là hoạt động tôn giáo ở nước ta trong những năm gần đây có chiều hướng gia tăng và diễn biến khá phức tạp.

Đứng trước tình hình đó, việc nhận thức và giải quyết tốt vấn đề tôn giáo là yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Muốn làm được điều này, một vấn đề có tính nguyên tắc là phải nắm vững những quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo. Nếu không thấm nhuần sâu sắc những quan điểm khoa học về tôn giáo thì khó tránh khỏi nhận thức sai sót với những biểu hiện ấu trĩ tả khuynh hoặc hữu khuynh trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách tôn giáo. Tuy nhiên, cũng không thể vận dụng một

cách máy móc, giáo điều, phi lịch sử. Vì vậy, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo để vận dụng sáng tạo vào quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách tôn giáo, nhằm hướng các tôn giáo ở nước ta vào quỹ đạo sinh hoạt bình thường, đồng hành với dân tộc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng xã hội mới là hết sức cần thiết.

2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO

Vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã có quan điểm đúng đắn đối với vấn đề tôn giáo, góp phần xây dựng khối đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bài viết này, tác giả chủ yếu đề cập đến những quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo dưới góc độ triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, thể hiện ở một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, tôn giáo không chỉ là một hình thái ý thức xã hội mà còn là một hiện tượng văn hóa.

Quan niệm về bản chất của tôn giáo, chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội. Tiếp thu quan điểm của các tác giả kinh điển, Hồ Chí Minh khẳng định: Tôn giáo không chỉ là một hình thái ý thức xã hội mà còn là một hiện tượng văn hóa, một bộ phận của văn hoá. Người lý giải: “Vi lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá” (Hồ Chí Minh, tập 3, 2000, tr.431).

Theo Hồ Chí Minh, những giá trị tốt đẹp về văn hoá của tôn giáo không những biểu hiện trong giáo lý và qua nhân cách của những người sáng lập các tôn giáo, mà còn được biểu hiện qua phương diện sinh hoạt vật chất và tinh thần của tín đồ và chức sắc tôn giáo. Đồng bào tôn giáo là một bộ phận của khối đoàn kết toàn dân, những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam là do quần chúng nhân dân xây dựng nên, trong đó có đồng bào tôn giáo. Thông qua sinh hoạt vật chất và tinh thần của đồng bào tôn giáo đã góp phần tô điểm cho bức tranh văn hóa dân tộc thêm đa dạng và phong phú. Đó là di sản văn hoá vật thể và phi vật thể như: những công trình kiến trúc chùa, thánh thất, nhà thờ; những tác phẩm hội họa, điêu khắc; những lễ hội của tôn giáo; những bản nhạc, bài ca, cho đến trang phục, nghi lễ... Tất cả đều thể hiện nét đẹp văn hóa truyền thống của tôn giáo được dày công vun đắp qua nhiều thế hệ đồng bào tôn giáo, góp phần làm cho văn hóa dân tộc có sức sống trường tồn.

Việc thừa nhận tôn giáo là một hiện tượng văn hóa đã giúp Hồ Chí Minh vượt qua các tư tưởng duy vật tầm thường, xem tôn giáo chỉ là “tập đại thành của những luận thuyết ủy mị, chống lý tính, tử thù của khoa học”... để đưa ra cách ứng xử đúng đắn với tôn giáo trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam. Đó cũng là cơ sở để Hồ Chí Minh không rập khuôn tiến hành một cuộc đấu tranh về mặt tư tưởng một cách trừu tượng với thế giới quan tôn giáo như thường thấy ở châu Âu. Ngược lại, Hồ Chí Minh luôn có ý thức tìm kiếm, khai thác và phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa chứa đựng trong các tôn giáo chân chính để kế thừa, bổ sung làm giàu nền văn hóa nước nhà. Tuy nhiên, việc khẳng định những giá trị văn hóa của tôn giáo không có nghĩa là Hồ Chí Minh đồng nhất thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm. Người từng nói chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là khác nhau, nhưng không phải vì thế mà bài xích, đối đầu nhau, chà đạp lên quyền tự do của nhau; trái lại cần phải tôn trọng tự do tín ngưỡng của công dân, trân trọng những giá trị nhân văn của tôn giáo.

Từ việc xác định tôn giáo là một hiện tượng văn hóa, ẩn chứa những giá trị tốt đẹp đích thực về văn hóa, Hồ Chí Minh cho rằng phải luôn tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân nghĩa là tôn trọng nhu cầu tâm linh của nhân dân và đảm bảo quyền dân chủ trong đời sống tinh thần xã hội. Quan điểm tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo được thể hiện nhất quán cả trong lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Dù với tư cách Chủ tịch Đảng, người đứng đầu Chính phủ, hay với tư cách là một công dân,

Hồ Chí Minh vẫn luôn luôn thể hiện là một con người mẫu mực trong việc tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của quần chúng nhân dân. Không một ai có thể tìm thấy ở Hồ Chí Minh dù là một biểu hiện rất nhỏ của sự bài xích, chế giễu với bất kỳ một tôn giáo nào.

Quan điểm tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo được ghi nhận trong nhiều văn bản do Hồ Chí Minh chỉ đạo biên soạn, ký hoặc trong những lời phát biểu của Người. Ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh phát biểu: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết” (Hồ Chí Minh, tập 4, 2000, tr.17). Năm 1951, để tránh sự hiểu lầm của đồng bào tôn giáo trước những luận điệu xuyên tạc của kẻ thù, Hồ Chí Minh khẳng định: “Vấn đề tôn giáo thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người” (Hồ Chí Minh, tập 6, 2000, tr.184). Đến ngày 14-6-1955, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 234/SL về vấn đề tôn giáo. Nội dung sắc lệnh thể hiện khá toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền tự do tôn giáo của nhân dân, biểu hiện qua những điểm cơ bản: mọi người dân có quyền tự do theo hoặc không theo một tôn giáo nào; chức sắc, nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ sở tôn giáo; chức sắc, nhà tu hành và tín đồ tôn giáo được hưởng mọi quyền lợi của người công dân; các tôn giáo được xuất bản những ấn phẩm tôn giáo, được mở trường đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo; các cơ sở thờ tự của tôn giáo được luật pháp bảo hộ...

Thứ hai, bản chất của tôn giáo nói chung là hướng thiện và nhân bản.

Hồ Chí Minh tìm thấy cái chung trong giáo lý của các tôn giáo chân chính là đều phản ánh khát vọng về một cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc của quần chúng nhân dân bị áp bức bóc lột; thấy được giá trị nhân bản của các tôn giáo chân chính là hướng tín đồ, nhân loại tới bình đẳng, tự do, bác ái, khuyên răn con người làm điều thiện, loại trừ cái ác. Hồ Chí Minh cho rằng: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó, chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết” (Viện Nghiên cứu tôn giáo, 1998, tr.185). Hay trong một bài viết khác đăng trên Báo Nhân dân, Hồ Chí Minh viết: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa” (Hồ Chí Minh, tập 6, 2000, tr.225).

Giá trị nhân bản, đạo đức của tôn giáo chân chính không chỉ biểu hiện trong hệ thống giáo lý mà còn biểu hiện qua nhân cách người sáng lập các tôn giáo. Nhân cách ấy về tư tưởng là khát vọng hy sinh cho con người, vì con người, về hành động là sự xả thân để mưu cầu hạnh phúc cho con người, phúc lợi cho xã hội. Hồ Chí Minh nói: “Mục tiêu cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu đều giống nhau: Thích Ca và Chúa Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng” (Viện Nghiên cứu tôn giáo, 1998, tr.239). Hay trong thư gửi đồng bào Công giáo ngày 25-12-1945, Hồ Chí Minh viết: “Cách một nghìn chín trăm bốn mươi năm trước, cũng ngày hôm nay, một vị thánh nhân là Đức Chúa Giêsu ra đời. Suốt đời Ngài chỉ hy sinh phấn đấu cho tự do, cho dân chủ. Từ ngày Ngài giáng sinh đến nay đã gần 2000 năm, nhưng tinh thần thân ái của Ngài chẳng những không phai nhạt mà toả ra đã khắp, thấm vào đã sâu” (Hồ Chí Minh, tập 4, 2000, tr.128). Tinh thần đó cũng được thể hiện trong thư Người gửi đồng bào Phật giáo nhân ngày Phật đản năm 1947: “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma” (Hồ Chí Minh, tập 5, 2000, tr.197).

Bản chất của tôn giáo là hướng thiện và nhân bản, trong các tôn giáo chân chính chứa đựng những giá trị phù hợp với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, với đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Đó cũng

chính là điểm tương đồng để đoàn kết giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo với những người không có tín ngưỡng tôn giáo. Vì vậy, Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết lương giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, và xem đó là một bộ phận quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, là một chính sách lâu dài trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu đoàn kết lương giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc của Hồ Chí Minh là nhằm đạt ước vọng mà cả cuộc đời Người nguyện hy sinh phấn đấu để thực hiện, đó là độc lập cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà” (Hồ Chí Minh, tập 7, 2000, tr.438). Độc lập cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân cũng được Hồ Chí Minh xem là mẫu số chung để đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt đảng phái, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, ở trong nước hay ngoài nước.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh kêu gọi toàn thể đồng bào không phân biệt lương giáo, đoàn kết chặt chẽ, quyết một lòng kháng chiến để giữ vững Tổ quốc độc lập và tín ngưỡng tự do: “Chúng ta toàn dân, giáo cũng như lương, đoàn kết kháng chiến để Tổ quốc được độc lập, tôn giáo được tự do” (Hồ Chí Minh, tập 6, 2000, tr.333). Sau khi ký Hiệp định Giơnevơ, Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn thể đồng bào cả nước hãy đoàn kết: “Tôi thiết tha kêu gọi tất cả những người thật thà yêu nước không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đã đứng về phe nào, chúng ta thật thà cộng tác, vì dân, vì nước mà phấn đấu để thực hiện hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong nước Việt Nam yêu quý của chúng ta” (Hồ Chí Minh, tập 7, 2000, tr.323). Khi miền Bắc được giải phóng, trước sự xuyên tạc của kẻ thù, một số tín đồ băn khoăn về số phận của họ trong xã hội mới. Hiểu rõ tâm trạng ấy, Hồ Chí Minh đã chỉ ra điểm tương đồng về mục tiêu đấu tranh vì quyền tự do, bình đẳng xã hội của chủ nghĩa xã hội và ước vọng cao đẹp của các vị sáng lập tôn giáo, làm cơ sở cho sự đoàn kết lương giáo. Sự cứu độ của Phật, đức hy sinh của Chúa vì người nghèo khổ, tự do, công lý và hòa bình cho mọi người thực ra chẳng khác gì với lý tưởng, hoài bão của người cộng sản, chỉ có khác nhau về con đường, biện pháp và tính hiện thực đạt lý tưởng ấy. Nêu cao tinh thần đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc nên Hồ Chí Minh đã tập hợp được xung quanh mình nhiều tín đồ và chức sắc tôn giáo hết lòng phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; từ đó xoá dần những định kiến, mặc cảm do lịch sử để lại và làm thất bại âm mưu chia rẽ lương giáo của kẻ thù.

Thứ ba, mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về quan hệ giữa tôn giáo với chính trị trong điều kiện cụ thể của nền văn hóa và đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam. Ở một dân tộc đa tôn giáo và tôn giáo có vai trò góp phần vào sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước, Hồ Chí Minh đã nhìn nhận và ứng xử một cách biện chứng về mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh rất quan tâm tới vấn đề đối phó với các thế lực chính trị lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá cách mạng, đi ngược lại lợi ích dân tộc. Thực chất của vấn đề này chính là giải quyết mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị. Hồ Chí Minh chỉ rõ tôn giáo và chính trị là khác nhau, không được lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phản động.

Hồ Chí Minh đã kiên quyết vạch mặt những tên thực dân khoác áo linh mục, tiếp tay cho bọn thực dân đế quốc xâm lược nước ta, áp bức, bóc lột, vơ vét của cải và gây tội ác đối với đồng bào ta. Năm 1925, trong “Bản án chế độ thực dân Pháp”, bằng những chứng cứ thuyết phục Người viết: “Chẳng hạn, chúng ta biết rằng Chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc Kỳ là do sự xúi giục của các ngài giáo phẩm thực dân được mục vụ Na-pô-lê-ông đệ tam đỡ đầu. Và các vị đó đã làm những gì? Họ đã lợi dụng lòng hiếu khách của người An Nam để đánh cắp những bí mật quân sự, vẽ những bản đồ nộp cho quân đội viễn chinh... Trong vai trò này, các vị mang chức thánh không bỏ lỡ dịp nào để thực hiện đức nhân của đạo Chúa. Có linh mục đã bảo lính: “Đốt làng này đi, nó đã không nộp thuế cho chúng ta”, hay là: “Tha cho làng này, nó đã quy thuận chúng ta” (Hồ Chí Minh, tập 2, 2000, tr.103). Trong bài “Tự do tín ngưỡng”,

Hồ Chí Minh cũng vạch rõ: “Những bọn đế quốc phản động và tay sai của chúng lại lợi dụng tôn giáo để mê hoặc nhân dân, để áp bức, bóc lột, để cướp nước người ta... Bọn đế quốc phản động dùng mọi cách để chia rẽ dân tộc ta, gây mối hằn thù giữa lương và giáo. Chúng lừa phỉnh và bắt buộc đồng bào Công giáo làm mật thám cho chúng, đi lính cho chúng, chống lại đồng bào lương. Chúng cấm đồng bào Công giáo tham gia những đoàn thể yêu nước. Chúng ép đồng bào Công giáo tham gia những tổ chức phản động. Như thế có phải là không làm chính trị không?” (Phạm Hữu Xuyên, 2006, tr.122). Như vậy, bằng cách tố cáo việc làm giả nhân giả nghĩa của những tên thực dân khoác áo linh mục, những hành động tàn ác của thực dân đế quốc, Hồ Chí Minh đã giác ngộ cho đồng bào tôn giáo hiểu được thực chất những luận điệu tuyên truyền mị dân của kẻ địch. Đồng thời, tuyên truyền, thuyết phục đồng bào tôn giáo hiểu rõ chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, đề cao cảnh giác chống âm mưu lợi dụng tôn giáo của địch, tránh mắc mưu địch chống lại cách mạng.

Hồ Chí Minh cũng nghiêm khắc phê phán và đấu tranh chống lại những kẻ giả danh, đội lốt, lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và sự nghiệp cách mạng của nhân dân. Người khẳng định rằng, chúng ta không chống tôn giáo, mà chỉ chống ai lợi dụng tôn giáo để phá hoại cách mạng. Đối với những kẻ không chỉ là “Việt gian mà còn là giáo gian” cần phải nghiêm khắc trừng trị. Tinh thần đó được thể hiện rõ trong Sắc lệnh 234/SL về vấn đề tôn giáo do Người ký ngày 14-6-1955: “Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh nghĩa tôn giáo để phá hoại hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nghĩa vụ công dân, xâm phạm đến tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác, hoặc làm những việc khác trái pháp luật” (Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, 2002, tr.113).

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất của Hồ Chí Minh vẫn là làm thế nào để đoàn kết, thu hút, tập hợp tín đồ và chức sắc tôn giáo tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung của toàn dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhằm hướng tới mục tiêu giành độc lập cho dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để động viên, thu hút, tập hợp quần chúng có tôn giáo cùng tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng, phương pháp độc đáo của Hồ Chí Minh là gắn nhiệm vụ của cách mạng với lý tưởng của những người sáng lập ra tôn giáo. Đối với tín đồ Công giáo, Người động viên: “Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều phù hợp với tinh thần phúc âm. Cho nên tôi chúc đồng bào Công giáo làm tròn chính sách của Chính phủ cũng là làm trọn tinh thần của Đức Chúa Cơ Đốc” (Viện Nghiên cứu tôn giáo, 1998, tr.276). Đối với tín đồ Phật giáo, Người nêu rõ: “Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hi sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ãi nô lệ” (Hồ Chí Minh, tập 5, 2000, tr. 197).

Với chức sắc các tôn giáo, Hồ Chí Minh luôn nhận thấy sự quan trọng của họ trong tổ chức giáo hội, họ được xem là người đại diện của thần linh để thực hiện mối liên hệ giữa tín đồ với thần linh. Khi ứng xử với chức sắc các tôn giáo, thái độ của Hồ Chí Minh bao giờ cũng đạt đến một sự mềm dẻo, tế nhị cần thiết. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã cảm hóa, động viên được rất nhiều chức sắc tôn giáo tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc. Hành động đứng về phía cách mạng của các chức sắc đã có tác dụng to lớn trong việc lôi kéo quần chúng tín đồ đi theo cách mạng, góp phần làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo chống cách mạng.

Với quần chúng tín đồ tôn giáo, Hồ Chí Minh chủ trương dùng chính sách tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục cùng tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung của toàn dân. Người kêu gọi: “Tất cả những người thật thà yêu nước không phân biệt tầng lớp nào, tín ngưỡng nào, chính kiến nào và trước đây đã đứng về phe nào, chúng ta thật thà cộng tác, vì dân, vì nước mà phấn đấu để thực hiện hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong nước Việt Nam yêu quý của chúng ta” (Hồ Chí Minh, tập 7, 2000, tr. 323). Với những tín đồ lầm đường, lạc lối, bị kẻ thù lừa mị, mua chuộc đi ngược lại với con đường cách mạng

của dân tộc, Hồ Chí Minh đã thấu hiểu và thông cảm sâu sắc với đồng bào, chủ trương giác ngộ, cảm hóa, tạo cơ hội cho họ chuộc lỗi lầm. Trước sự khoan hồng, bao dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam, đại bộ phận tín đồ lầm đường, lạc lối đã quay trở về với Tổ quốc, “cải tà quy chính” và đóng góp công sức cho sự nghiệp cách mạng của toàn dân.

Thứ tư, mối quan hệ giữa tôn giáo với dân tộc.

Hồ Chí Minh rất quan tâm đến mối quan hệ giữa tôn giáo với dân tộc trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người nêu mối quan hệ giữa tôn giáo với dân tộc một cách giản dị, dễ hiểu nhưng rất độc đáo và sâu sắc: Kính Chúa gắn liền với yêu nước, phụng sự Thiên Chúa với phụng sự Tổ quốc, nước có vinh thì đạo mới sáng, nước có độc lập thì tín ngưỡng mới được tự do. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 13-9-1945, trong buổi họp mặt với đại biểu các tôn giáo, Hồ Chí Minh phát biểu: “Dân tộc giải phóng thì tôn giáo mới được giải phóng. Lúc này chỉ có quốc gia mà không phân biệt tôn giáo nữa, mỗi người đều là công dân của nước Việt Nam và có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc” (Hồ Chí Minh, tập 3, 2006, tr.10). Trong thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp lễ Noel năm 1945, Hồ Chí Minh đã đề cập đến sự tự do, hạnh phúc trong hoạt động tôn giáo được mang lại từ nước Việt Nam độc lập. Người viết: “Trong lịch sử Việt Nam ta, lần này là lần đầu mà đồng bào Công giáo ta làm lễ Noel một cách vui vẻ sung sướng trong nước Việt Nam độc lập tự do. Tôi chắc rằng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của các vị giám mục Việt Nam, đồng bào Công giáo quyết một lòng với nhân dân toàn quốc để giữ vững nền tự do độc lập đó” (Hồ Chí Minh, tập 4, 2000, tr.121, 122). Khi đất nước bị thực dân Pháp quay trở lại xâm lược lần nữa, trong thư gửi đồng bào Công giáo nhân ngày lễ Chúa, mối quan hệ này cũng được Hồ Chí Minh đề cập: “Hôm nay, đồng bào lễ Chúa trong một bầu không khí chiến tranh, vì giặc Pháp còn đang giày xéo trên đất nước ta. Song rồi đây thắng lợi sẽ cho chúng ta lễ Chúa long trọng hơn, trong một bầu không khí vui vẻ và tươi sáng của một nước hoàn toàn thống nhất và độc lập” (Hồ Chí Minh, tập 5, 2000, tr.538).

Theo Hồ Chí Minh, trong mối quan hệ giữa tôn giáo với dân tộc thì vấn đề dân tộc được đặt lên hàng ưu tiên. Vì giải phóng được dân tộc thì sẽ có tất cả, không giải phóng được dân tộc thì không được gì hết. Dân tộc được độc lập là điều kiện, là cơ sở để các tín đồ được tự làm chủ tôn giáo của mình. Đề cập tới vấn đề dân tộc được đặt lên hàng ưu tiên trong mối quan hệ với tôn giáo, khi nước ta đứng trước nguy cơ bị thực dân Pháp xâm lược lần nữa, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Nước có độc lập thì dân mới thực sự tự do tín ngưỡng, nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do, nên chúng ta phải đấu tranh giành độc lập cho nước nhà trước đã. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh không bao giờ xem nhẹ vấn đề tôn giáo. Tôn giáo đối với dân tộc bao giờ cũng được Hồ Chí Minh xem xét và giải quyết trên tinh thần nhằm xây dựng khối đoàn kết toàn dân vững chắc trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đoàn kết tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ lịch sử dân tộc và thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh khẳng định về tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân nói chung và đoàn kết tôn giáo nói riêng đối với sự thành bại của quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: “Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn” (Hồ Chí Minh, tập 3, 2000, tr.217).

Hồ Chí Minh cho rằng, đối với người có tôn giáo thì đức tin tôn giáo và lòng yêu nước không hề mâu thuẫn, hoặc triệt tiêu lẫn nhau mà ngược lại gắn bó, tương hỗ lẫn nhau. Một người dân Việt Nam có thể vừa là một người dân yêu nước đồng thời cũng vẫn là một tín đồ chân chính, cũng như những kẻ chống lại dân tộc, phản dân, phản nước đồng thời cũng chính là những kẻ phản Chúa, chúng không chỉ là Việt gian mà còn là giáo gian. Hồ Chí Minh yêu cầu người Công giáo tốt phải là người công dân tốt, kính Chúa và yêu nước vừa là trách nhiệm công dân vừa là bổn phận dân Chúa.

Ở một quốc gia đa tôn giáo như Việt Nam, dù là trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc hay trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội thì vấn đề dân tộc và tôn giáo vẫn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Chính sự giải quyết thỏa đáng mối quan hệ này theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã tạo cơ sở để hiện nay

giáo hội các tôn giáo ở nước ta đề ra tôn chỉ, mục đích hành đạo theo hướng đồng hành và gắn bó với dân tộc như: “Đạo pháp - Dân tộc và chủ nghĩa xã hội” (Phật giáo); “Sống phúc âm giữa lòng dân tộc” (Công giáo); “Sống phúc âm phụng sự Thiên chúa, phụng sự Tổ quốc và dân tộc” (Tin lành); “Nước vinh, đạo sáng” (đạo Cao Đài); “Chấn hưng nền đạo gắn bó với dân tộc, phù hợp với chính sách và pháp luật của Nhà nước góp phần tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (Phật giáo Hòa Hảo)...

3. ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO ĐỀ RA CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO HIỆN NAY

Kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo vào thực tế tình hình tôn giáo và điều kiện lịch sử cụ thể ở Việt Nam; dựa trên cơ sở quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được Liên hợp quốc ghi nhận trong Tuyên ngôn về nhân quyền năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966; tham khảo kinh nghiệm giải quyết vấn đề tôn giáo của các nước trên thế giới... Đảng và Nhà nước Việt Nam đề ra chính sách tôn giáo trong giai đoạn cách mạng mới.

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam bao gồm tổng thể những quan điểm chỉ đạo và chính sách đối với tôn giáo, những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tôn giáo hiện nay. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này tác giả chủ yếu đề cập đến những quan điểm chỉ đạo và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam thể hiện rõ nhất sự vận dụng những quan điểm về tôn giáo của Hồ Chí Minh như đã phân tích ở trên.

Thứ nhất, vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa tôn giáo với dân tộc, trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra quan điểm chỉ đạo: *“Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003, tr.48). Ở quan điểm này, Đảng ta đề cập hai mối quan hệ biện chứng giữa tôn giáo với dân tộc và tôn giáo với chủ nghĩa xã hội. Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, mỗi tôn giáo có lịch sử hình thành, du nhập, số lượng tín đồ, đặc điểm, vai trò và ảnh hưởng đối với đời sống xã hội không giống nhau, nhưng các tôn giáo đều tồn tại trong lòng dân tộc Việt Nam, không có tôn giáo trừu tượng phi lịch sử tách khỏi cộng đồng dân tộc. Vì vậy, trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc hay trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội thì tôn giáo với dân tộc vẫn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, lợi ích của từng tôn giáo gắn chặt với lợi ích của cả cộng đồng dân tộc. Trong mối quan hệ ấy, vấn đề dân tộc luôn được đặt lên hàng đầu, vì nước có vinh thì đạo mới sáng, nước có độc lập thì tín ngưỡng mới được tự do. Tuy nhiên, Đảng và Nhà nước ta cũng không bao giờ xem nhẹ vấn đề tôn giáo, vì lịch sử dân tộc ta đã chứng minh, lúc nào khối đại đoàn kết toàn dân được giữ vững - trong đó có đoàn kết tôn giáo thì nước ta được độc lập tự do, lúc nào mất đoàn kết thì bị kẻ thù xâm lấn. Hơn nữa, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, là một yếu tố cấu thành của văn hóa dân tộc, quy định cốt cách con người của một cộng đồng người nhất định.

Qua thực tiễn cách mạng, Đảng ta nhận thức sâu sắc hơn quan điểm của C. Mác và Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội. Sự tồn tại của tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là một thực tế khách quan. Điều đó là do trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, những nguyên nhân làm nảy sinh và nuôi dưỡng tôn giáo vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn. Mặt khác, trong quá trình tồn tại của mình, tôn giáo cũng có sự biến đổi, chuyển mình cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội mới, thời đại mới. Hơn nữa, tôn giáo và chủ nghĩa xã hội còn có một số điểm tương đồng nhất định, nhất là về văn hóa, đạo đức và khát vọng giải phóng con người.

Sự khẳng định tôn giáo đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta có ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc thực hiện chính sách tôn giáo hiện nay. Đó là kết quả của việc nhận thức đúng về bản thân hiện tượng tôn giáo cả về nguồn gốc hình thành, bản chất và vai trò xã hội. Nó đặt cơ sở khách quan để xác định thái độ, cách ứng xử đối với tôn giáo trong thực tế, góp phần

hạn chế những biểu hiện chủ quan, nóng vội, cực đoan khi tiến hành công tác tôn giáo. Đồng thời, sự khẳng định này của Đảng ta cũng đã giải tỏa cho những băn khoăn của người có đạo để họ yên tâm hành đạo, phấn đấu cho lợi ích chung của đất nước, bởi từ lâu họ đã bị các thế lực phản động tuyên truyền gieo rắc về cái gọi là “cộng sản là những kẻ vô Tổ quốc, vô gia đình và vô đạo”, “cộng sản diệt đạo, cấm đạo”.

Thứ hai, kế thừa quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân, Đảng và Nhà nước Việt Nam “*Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003, tr.48). Trên cơ sở thừa nhận tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, tư tưởng nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Quyền tự do tín ngưỡng này được hiểu là mỗi công dân được tự do theo tôn giáo nào mình thích hoặc không theo một tôn giáo nào; mọi công dân theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có quyền lợi và nghĩa vụ công dân như nhau. Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo là một trong những quyền quan trọng của công dân luôn được Đảng và Nhà nước ta công khai thừa nhận và tôn trọng. Điều đó không những được nêu rõ ở những chủ trương, chính sách của Đảng mà Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật cũng quy định rõ nội dung quyền, các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền đó cho người dân phù hợp quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận trong Tuyên ngôn về nhân quyền năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966: “Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền này bao gồm tự do có hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, và tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong cộng đồng với những người khác, công khai hoặc kín đáo, dưới các hình thức như thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và truyền giảng” (Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, tr.300, 301). Tuy nhiên, quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo ở đây không có nghĩa là tự do vô kỷ luật, tự do vô chính phủ, tự do của người này, cộng đồng này lại xâm phạm đến tự do của người khác, cộng đồng khác. Vì vậy, tự do hoạt động tôn giáo phải nằm trong khuôn khổ của pháp luật hiện hành. Điều đó cũng được quy định ở điều 18 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị: “Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi pháp luật và khi sự giới hạn đó là cần thiết để bảo vệ an ninh, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức xã hội, hoặc để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người khác” (Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, tr.301).

Thứ ba, kế thừa quan điểm của Hồ Chí Minh về đoàn kết lương giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX khẳng định: “*Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003, tr.49). Đại đoàn kết toàn dân tộc là một truyền thống, một bài học kinh nghiệm xuyên suốt trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Ngay từ xa xưa ông cha ta đã biết phát huy tinh thần đó nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp chống thiên tai, địch họa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, vấn đề đoàn kết dân tộc lại được nâng lên một bước về chất. Hồ Chí Minh đã dạy: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Đúng vậy! Khi mà toàn thể dân tộc không kể già trẻ, gái trai, giai cấp, tôn giáo, dân tộc... tất cả đều đồng sức, đồng lòng, tập hợp lại thành một khối thống nhất, tạo nên sức mạnh tổng hợp thì khó khăn mấy cũng khắc phục được, gian khổ nào cũng vượt qua. Thực tiễn lịch sử cách mạng nước ta là một dẫn chứng xác đáng để minh chứng cho điều đó.

Như vậy, đoàn kết tôn giáo là một vấn đề nằm trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của cách mạng Việt Nam, nhưng đây là vấn đề có tính đặc thù quan trọng. Với một quốc gia đa tôn giáo như Việt Nam, vấn đề đoàn kết ở đây không chỉ là đoàn kết giữa những người theo tôn giáo và những người không theo tôn giáo, mà còn đoàn kết giữa những người theo các tôn giáo khác nhau. Trong bối cảnh hiện nay, khi Đảng ta chủ trương phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; khi các thế lực thù địch

đang ráo riết tìm mọi cách để phá hoại khối đoàn kết tôn giáo, thì vấn đề đoàn kết toàn dân tộc trong đó có đoàn kết tôn giáo để phát huy sức mạnh nội lực là rất cần thiết, là động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nếu như trước đây Hồ Chí Minh đã tìm mẫu số chung để đoàn kết lương giáo là độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân thì hiện nay Đảng ta coi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc.

Đồng thời với việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị, Đảng ta cũng khẳng định phải đấu tranh chống việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan. Đây là một hiện tượng xã hội tiêu cực, thường núp bóng, xen lẫn, trà trộn và lợi dụng các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề. Nó lôi kéo những người có niềm tin cuồng vọng vào các lực lượng siêu nhiên đến mức độ mê muội với những hành vi cực đoan, thái quá, phi nhân tính, phản văn hóa, làm vẩn đục đời sống tinh thần xã hội. Cho nên phải phê phán, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan để loại bỏ dần, nhằm làm lành mạnh hoá đời sống tinh thần xã hội. Mọi hành vi lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo để làm mất trật tự an toàn xã hội, xâm phạm an ninh quốc gia, phá hoại chính sách đoàn kết toàn dân, chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gây tổn hại các giá trị đạo đức, văn hóa của dân tộc, ngăn cản tín đồ, chức sắc các tôn giáo thực hiện nghĩa vụ công dân, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân, phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng tôn giáo... đều bị xử lý theo pháp luật. Đảng và Nhà nước ta luôn cho rằng, chúng ta không chống tôn giáo, mà chỉ chống ai lợi dụng tôn giáo để phá hoại cách mạng.

Thứ tư, trên cơ sở khẳng định của Hồ Chí Minh: tôn giáo không chỉ là một hình thái ý thức xã hội mà còn là một hiện tượng văn hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra quan điểm chỉ đạo: *“Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013, tr.651). Thông qua sinh hoạt vật chất và tinh thần của đồng bào các tôn giáo đã góp phần tô điểm cho bức tranh văn hóa dân tộc thêm đa dạng và phong phú sắc màu. Các cơ sở thờ tự của tôn giáo là nơi thờ phụng và diễn ra các nghi lễ tôn giáo, đồng thời đó cũng là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa của các tôn giáo, góp phần làm cho văn hóa dân tộc có sức sống trường tồn. PGS, TS. Nguyễn Hồng Dương - Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu tôn giáo cũng đã khẳng định về vai trò của tôn giáo trong việc góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc: *“Có tôn giáo cũng như văn hoá của nó hoá thân thành lớp trầm tích văn hoá để rồi “toả hương” vào văn hoá thời đại mới như Nho giáo, Đạo giáo. Các tôn giáo đang hiện diện như Phật giáo, Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo và ngay cả Công giáo... sự đóng góp của các tôn giáo này trước hết là di sản văn hoá vật thể và phi vật thể như: chùa, thánh thất, nhà thờ, lễ hội các tôn giáo. Đó là những tài sản vô giá tạo nên một nền tảng để tồn tại và phát triển”* (Nguyễn Hồng Dương, 2012, tr.51). Như vậy, sự tồn tại của tôn giáo cũng đồng nghĩa đó là một biểu hiện của việc lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống. Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc không thể không quan tâm đến việc phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp trong sinh hoạt tôn giáo mà giáo dân đã có công lưu giữ hàng nghìn năm.

Có những điều cấm kỵ, răn dạy trong giáo lý các tôn giáo mang giá trị đạo đức và nhân văn sâu sắc. Tôn giáo nào cũng mang tính trừ ác hướng thiện, khuyên răn con người làm những điều lành, điều thiện, điều nhân nghĩa, vươn tới cái đẹp, cái cao cả vì lợi ích bản thân và cộng đồng; tránh làm những điều ác, điều xấu, gian tà, điều bất nhân. Chính tính trừ ác hướng thiện của tôn giáo đã phần nào góp phần ngăn chặn, hạn chế những ham muốn, dục vọng thái quá, không chính đáng ở con người. Như vậy, tâm linh tôn giáo đã góp phần giữ gìn đạo đức con người, ổn định trật tự xã hội. Nó đã góp thêm một thiết chế để giữ xã hội trong vòng trật tự cùng với pháp luật, dư luận, đạo đức. GS. Nguyễn Đình Chú viết: *“Hiến pháp có chặt chẽ đến đâu, pháp luật dù có được quy định ngóc ngách đến đâu so với sự sống thiên hình vạn trạng vẫn còn khe hở. Cảnh sát trần gian dù có đông đủ nghiêm túc đến đâu vẫn không đủ bao hết sự đời. Phải có thêm cảnh sát cõi âm, loại cảnh sát nằm ngay trong tâm linh mỗi người, không loại trừ ai, kể cả ông vua có quyền uy tối thượng trị vì trăm họ, mới*

mong đảm bảo có cuộc sống tốt lành nhiều hơn. Trong điều kiện thiện ác vốn dĩ cứ tranh chấp triền miên cùng nhân loại” (Nguyễn Đình Chú, 1996, tr.123).

4. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là những chỉ dẫn mang tính khoa học và nhân văn mà ngày nay chúng ta cần phải tiếp tục đào sâu, nghiên cứu kỹ. Theo Hồ Chí Minh, tôn giáo không chỉ là một hình thái ý thức xã hội mà còn là một hiện tượng văn hóa; bản chất của tôn giáo nói chung là hướng thiện và nhân bản; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tôn giáo với chính trị và giữa tôn giáo với dân tộc. Bởi vậy, khi ứng xử và giải quyết vấn đề tôn giáo ở nước ta hiện nay phải nắm vững quan điểm toàn diện của Hồ Chí Minh về tôn giáo, không thể chỉ xem xét tôn giáo một cách phiến diện trong những mặt tiêu cực và hạn chế. Qua bài viết này, tác giả góp phần làm rõ nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, cũng như sự vận dụng những quan điểm khoa học đó vào việc hoạch định chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Viện Nghiên cứu tôn giáo (1998), *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Phạm Hữu Xuyên (2006), *Quan điểm Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo*, Luận án tiến sĩ triết học, Viện Nghiên cứu tôn giáo, Hà Nội.
- [9] Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (2002) *Vấn đề về tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Hồ Chí Minh (2006), *Biên niên tiểu sử*, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [13] Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Hỏi đáp về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [14] Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [15] Nguyễn Đình Chú (1996), *Văn hoá đại cương và văn hoá Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 04/06/2019

Ngày chấp nhận đăng: 26/08/2019